

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8302 /SXD-QHKT

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2026

V/v phối hợp, tham gia ý kiến
đối với nội dung hướng dẫn
thực hiện, hồ sơ, tài liệu minh
chứng tiêu chí xã nông thôn
mới trên địa bàn tỉnh Quảng
Ngãi giai đoạn 2026-2030

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu Lý Sơn;

Thực hiện Thông báo số 1076/TB-UBND ngày 11/10/2026 kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiền tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới của 10 xã phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2026; Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 12525/SNNMT-PTNT ngày 12/10/2026 về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với hướng dẫn thực hiện, hồ sơ, tài liệu minh chứng thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới;

Qua nghiên cứu, Sở Xây dựng (theo chức năng nhiệm vụ được giao tại các Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 và số 78/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Hướng dẫn thực hiện và hồ sơ, tài liệu minh chứng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 do Sở Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo theo hướng tích hợp nội dung hướng dẫn chung của các sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh;

Đề dự thảo Hướng dẫn được hoàn chỉnh, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, nghiên cứu cập nhật, bổ sung hướng dẫn UBND các xã thực hiện nội dung các tiêu chí và lập hồ sơ minh chứng đánh giá mức đạt tiêu chí xã nông thôn mới thuộc lĩnh vực Sở Xây dựng phụ trách như sau:

1. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 2.1, 6.2 và 8.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn

tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của UBND tỉnh.

2. Công bố thông tin CBCC Sở Xây dựng phụ trách, hướng dẫn

Sở Xây dựng đã công bố thông tin danh sách CBCC của Sở trực tiếp phụ trách, hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kế hoạch số 3622/KH-SXD ngày 21/5/2026 và Công văn số 5452/SXD-QHKT ngày 17/7/2026 (có sao gửi kèm theo Công văn này).

3. Hướng dẫn việc lập hồ sơ, tài liệu minh chứng

a) Đối với tiêu chí 1.1, 1.2 và 1.3

a.1) Báo cáo các nội dung triển khai thực hiện tiêu chí, đánh giá kết quả hoàn thành nội dung tiêu chí.

a.2) Thành phần hồ sơ đối với Quy hoạch chung đô thị

- Hồ sơ Quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung đô thị và thành phần hồ sơ thuyết minh, bản vẽ quy hoạch theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng.

- Hồ sơ công bố công khai quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.

- Hồ sơ Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được phê duyệt theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

a.3) Thành phần hồ sơ đối với Quy hoạch chung xã

- Hồ sơ Quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xã và thành phần hồ sơ thuyết minh, bản vẽ quy hoạch theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 (được sửa đổi bởi Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025) của Bộ Xây dựng.

- Hồ sơ công bố công khai quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.

- Hồ sơ Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được phê duyệt (trường hợp lập riêng) hoặc được tích hợp nội dung vào đồ án quy hoạch chung xã theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

a.4) Thành phần hồ sơ đối với Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới

Hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết và thành phần hồ sơ thuyết minh, bản vẽ quy hoạch theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng.

b) Đối với tiêu chí 2.1

b.1) Báo cáo các nội dung triển khai thực hiện tiêu chí, đánh giá tỷ lệ hoàn thành nội dung tiêu chí.

b.2) Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt.

b.3) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá thực địa, đối chiếu với quy hoạch được phê duyệt đối với toàn bộ các tuyến đường xã, thôn, ngõ, xóm và các vị trí nút giao giao thông trên địa bàn; Biên bản rà soát và ký, đóng dấu xác nhận; Số liệu báo cáo gồm:

- Danh mục các tuyến đường xã, thôn, ngõ, xóm. Thống kê đầy đủ các tuyến đường: Điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, quy mô (Bnền, Bmặt), kết cấu mặt đường, cấp kỹ thuật của đường. Tổng số Km đường trên địa bàn.

- Tổng số nút giao của tuyến đường với đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường xã. Số nút giao của tuyến đường đảm bảo kết nối giao thông tuân thủ quy định tại Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan. Tỷ lệ (%) nút giao đảm bảo nội dung tiêu chí.

- Số Km đường xã được xây dựng, nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy hoạch được duyệt. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km của tuyến đường.

- Số Km đường xã có cấp kỹ thuật:

- + Tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế đối với xã nhóm 2 và nhóm 3. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km của tuyến đường.

- + Đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế đối với xã nhóm 1. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km của tuyến đường.

- Thống kê công trình hạ tầng kỹ thuật trên đường xã như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, ...), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu, ...), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại các đoạn qua khu đông dân cư, ...

- Số Km được trồng cây xanh dọc tuyến đối với đường xã. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km của tuyến đường xã.

- Số Km được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) đối với đường thôn, ngõ, xóm. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km của tuyến đường thôn, ngõ, xóm.

- Số Km đường giao thông nông thôn được bảo trì hàng năm đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đường bộ, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD).

- Các hình ảnh về kết quả đầu tư phát triển giao thông tại xã; bình đồ tuyến (nếu có).

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

c) Đối với tiêu chí 6.2

a) Báo cáo chung kết quả tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố của xã.

b) Biên bản thẩm tra, đánh giá kết quả hoàn thành tiêu chí tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí 6.2) của xã (Chi tiết mẫu 1 kèm theo).

c) Biên bản kiểm tra việc hoàn thành tiêu chí tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí 6.2) của thôn (Chi tiết mẫu 2 kèm theo).

d) Đối với tiêu chí 8.4

a) Phương án (hoặc Đề án/Kế hoạch) thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đã được Ủy ban nhân dân xã ban hành hoặc phê duyệt.

b) Báo cáo, bảng tổng hợp số liệu thống kê công trình thu gom, xử lý phi tập trung: số hộ có công trình xử lý nước thải hợp vệ sinh, phân theo thôn, xóm trên địa bàn xã; danh sách công trình xử lý phi tập trung theo cụm hộ, khu dân cư (vị trí, công suất xử lý, số lượng hộ thu gom).

c) Đối với xã nhóm 1: Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật/Dự án đầu tư; Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình để đưa vào sử dụng; kết quả quan trắc, phân tích chất lượng nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải tập trung.

d) Hình ảnh minh họa hiện trạng công trình thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn xã.

e) Tài liệu khác có liên quan về việc thực hiện giải pháp phi công trình.

4. Những vấn đề cần lưu ý khi trong quá trình triển khai thực hiện

a) Những vấn đề chung

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viện dẫn trong văn bản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn sửa đổi, bổ sung, thay thế.

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo Sở Xây dựng để phối hợp, hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b) Đối với tiêu chí 1.1, 1.2 và 1.3

Hiện nay, UBND các xã đang tổ chức lập, thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung xã, quy hoạch chung đô thị mới theo Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 và 374/QĐ-UBND ngày 02/6/2026). Do vậy, đề nghị UBND các xã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định; hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung xã, quy hoạch chung đô thị **trong Quý I/2027**.

Đối với 10 xã (Vạn Tường, Bình Sơn, Thọ Phong, Tịnh Khê, An Phú, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đăk Mar, Đăk Hà) được Sở Nông nghiệp và Môi trường đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2026; Đề nghị UBND các xã khẩn trương hoàn thành việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung xã/Quy hoạch chung đô thị **trong Quý IV/2026**. Trường hợp đến thời điểm xét duyệt hồ sơ minh chứng (theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường) nếu chưa hoàn thành các tiêu chí 1.1, 1.2 và 1.3 theo quy định thì UBND xã rà soát, tiếp tục sử dụng các quy hoạch đô thị và nông thôn (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết), quy chế quản lý kiến trúc đô thị, hoặc điểm dân cư nông thôn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý, đánh giá tiêu chí 1.1, 1.2 và 1.3.

c) Đối với tiêu chí 2.1

- Để bảo đảm hoàn thành tiêu chí 2.1 về giao thông, UBND xã cần phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể, trong đó tập trung một số nội dung chính sau:

+ Đánh giá hiện trạng giao thông, cây xanh trên địa bàn xã, hiện tại đạt được bao nhiêu % so với yêu cầu của tiêu chí 2.1.

+ Sau khi đánh giá hiện trạng, tổ chức lập kế hoạch, danh mục các tuyến đường cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa, trồng cây xanh theo thứ tự ưu tiên để đạt được yêu cầu theo tiêu chí 2.1, phù hợp với tốc độ đô thị hóa. Trong đó cần xác định rõ kinh phí địa phương cần để thực hiện và thời gian tổ chức triển khai thực hoàn thành.

+ Huy động nguồn lực để thực hiện hoàn thành các nội dung trên theo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 của UBND tỉnh; Văn bản số 9897/UBND-NNMT ngày

25/9/2026 của UBND tỉnh về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026.

d) Đối với tiêu chí 8.4

- Trên cơ sở điều kiện thực tế về quy mô dân số, mật độ dân cư, địa hình, nguồn tiếp nhận và khả năng cân đối nguồn lực, nghiên cứu xây dựng phương án thoát nước mặt, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt. Đối với các khu dân cư tập trung, mật độ dân cư cao, có điều kiện về quỹ đất và nguồn lực, nghiên cứu đầu tư hệ thống thu gom và công trình xử lý nước thải tập trung hoặc theo cụm dân cư. Đối với các khu dân cư phân tán, quy mô nhỏ, ưu tiên áp dụng các giải pháp xử lý nước thải tại chỗ hoặc theo nhóm hộ, phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và khả năng quản lý, vận hành của địa phương.

- Trước mắt, tập trung khắc phục các điểm xả nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý gây ảnh hưởng đến môi trường; hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng, cải tạo và sử dụng công trình xử lý nước thải phù hợp, bảo đảm không xả trực tiếp nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận. Từng bước đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu dân cư tập trung; đồng thời xác định rõ đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư.

đ) Đối với tiêu chí 6.2

Về niên hạn sử dụng, diện tích tối thiểu một căn nhà: Đối với các nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng và diện tích tối thiểu một căn nhà lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

Sở Xây dựng phúc đáp Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, hướng dẫn và đề nghị UBND các xã, đặc khu Lý Sơn nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGD Sở (P.V.Hà, M.V.Hà, N.H.Hồng);
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, QLN, KCHT, QHKT_(Thạch).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Việt Hà

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số/SXD-QHKT ngày/10/2026 của Sở Xây dựng)

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**THẨM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOÀN THÀNH TIÊU CHÍ TỶ LỆ
HỘ CÓ NHÀ Ở KIẾN CỐ (TIÊU CHÍ 6.2) CỦA XÃ:...**

Căn cứ Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ hướng dẫn số/HD-SXD ngày/10/2026 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện UBND xã.....

1. Ông (bà):.....

2. Ông (bà):.....

II. Đại diện Ban Chỉ đạo Chương trình xã

1. Ông (bà):.....

2. Ông (bà):.....

Đã cùng nhau kiểm tra Hồ sơ và đi kiểm tra thực tế các trường hợp, kết quả tổng hợp đánh giá như ở bảng sau:

TT	Thôn	Số hộ có đăng ký thường trú trên địa bàn (hộ)	Số hộ có nhà ở kiên cố (hộ)	Tỷ lệ (%)	Xác nhận của đại diện Thôn
(1)	(2)	(3) ¹	(4)	(5)=(4)/(3)x100	(6)
1	Thôn A				
2	Thôn B				
	...				
	Cộng				

Kết luận: Xã (đạt/không đạt).....yêu cầu theo tiêu chí Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí số 6.2).

Biên bản kết thúc vào giờ phút cùng ngày, được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, các thành viên tham gia thẩm tra cùng thống nhất ký tên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Các thành viên tham gia kiểm tra

Đại diện Ban Chỉ đạo Chương trình xã
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện UBND xã
(Ký tên và đóng dấu)

¹ *Ghi chú: cột (3) Hộ gia đình có đăng ký thường trú trên địa bàn theo quy định của pháp luật về cư trú.

Mẫu số 02

(Kèm theo Công văn số/SXD-QHKT ngày/10/2026 của Sở Xây dựng)

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**KIỂM TRA VIỆC HOÀN THÀNH TIÊU CHÍ TỶ LỆ HỘ CÓ NHÀ Ở
KIÊN CỐ (TIÊU CHÍ SỐ 6.2) CỦA THÔN**

Căn cứ Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân công nhiệm vụ phụ trách thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ hướng dẫn số/HD-SXD ngày/10/2026 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện chính quyền Thôn

1. Ông (bà):.....

2. Ông (bà):.....

II. Đại diện Ban phát triển Thôn

1. Ông (bà):.....

2. Ông (bà):.....

Đã cùng nhau kiểm tra thực tế nhà ở các hộ gia đình theo các nội dung của tiêu chí tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí 6.2). Kết quả kiểm tra như sau:

TT	Tên chủ hộ	Chất lượng nhà			Thời gian sử dụng	Đánh giá		Chữ ký của chủ hộ
		Nền - móng nhà được làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, gạch, đá, gạch lát, gỗ.	Khung - tường bao gồm hệ thống khung, cột, tường kê cả móng đỡ. Trong đó, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch, đá hoặc làm từ gỗ bền chắc, kim loại.	Mái gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Trong đó, hệ thống đỡ mái được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; mái làm bằng bê tông cốt thép hoặc lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, thép, gỗ bền chắc) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.		Đạt	Không đạt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A							
2	Nguyễn Văn B							
	...							
	Cộng							

- Tổng số hộ có đăng ký thường trú trong thôn: hộ;
- Tổng số hộ có nhà ở kiên cố trong thôn: hộ;
- Tỷ lệ số hộ có nhà ở kiên cố: số hộ có nhà ở kiên cố/ số hộ có hộ khẩu thường trú trong thôn * 100=.....%;

Kết luận: Thôn..... thuộc xã..... (đạt/không đạt)..... yêu cầu theo tiêu chí Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí số 6.2).

Biên bản kết thúc vào giờ phút cùng ngày, được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, các thành viên tham gia kiểm tra cùng thống nhất ký tên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Các thành viên tham gia kiểm tra

Đại diện Ban Phát triển thôn
(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện chính quyền thôn
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục
TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 2.1, BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI
ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Công văn số/SXD-QHKT ngày/10/2026 của Sở Xây dựng)

TT	Tuyến đường	Chiều dài (km)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng mặt đường (m)	Kết cấu mặt đường (km)			Tỷ lệ % cứng hóa	Tỷ lệ % đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt	Tỷ lệ % đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế	Tỷ lệ % chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường	Kết quả đánh giá
					BTXM, nhựa	Lát gạch, đá xẻ hoặc trải cấp phối có lu lèn bằng đá dăm, gạch vỡ, gạch xi, đất sỏi rui	Đất					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. Đường xã												
1	Tuyến											
2	Tuyến ...											
...												
II. Đường thôn, ngõ, xóm												
1	Tuyến											
2	Tuyến ...											
...												

Ghi chú:

- Cột: 9= $(6+7)/3 \times 100$ (có hình ảnh hoặc hồ sơ chứng minh).
- Cột 10: Riêng đối với xã nhóm 1 đánh giá theo tiêu chí: Tỷ lệ % đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa.
- Cột 11: Riêng đối với xã nhóm 1 đánh giá theo tiêu chí: Tỷ lệ % đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế;
- Cột 12: Căn cứ hiện trạng thực tế để đánh giá đạt (ký hiệu Đ) hay không đạt (ký hiệu K); (có hình ảnh hoặc hồ sơ chứng minh).
- Cột 13: Đối chiếu với quy định tại Phụ lục I, Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh để đánh giá đạt hay không đạt.